NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
CÔNG NGHỆ 9

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

PHẦN I: ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

CHỦ ĐỀ 4: LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ

Câu 1. Cây nghề nghiệp mô tả gì?

A. Cây nghề nghiệp mô tả mối liên hệ giữa mức lương cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người.

B. Cây nghề nghiệp mô tả mối liên hệ giữa đặc điểm cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người.

C. Cây nghề nghiệp mô tả mối liên hệ giữa quan hệ cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người.

D. Cây nghề nghiệp mô tả mối liên hệ giữa hình dáng cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người.

Câu 2. Phần nào của cây nghề nghiệp minh họa nền tảng lựa chọn nghề nghiệp?

A. Phần rễ. B. Phần quả. C. Phần lá. D. Phần thân.

Câu 3. Lí thuyết nào được miêu tả là một công cụ hỗ trợ cá nhân trong việc lựa chọn nghề nghiệp dựa trên kết quả trắc nghiệm đặc điểm, tính cách nghề nghiệp của cá nhân?

A. Lí thuyết quan điểm nghề nghiệp.

B. Lí thuyết sở thích nghề nghiệp.

C. Lí thuyết cây nghề nghiệp.

D. Lí thuyết mật mã Holland.

Câu 4. Yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là:

A. sở thích. B. sức khỏe. C. gia đình. D. xã hội.

Câu 5. Người có tính cách "xã hội" theo mật mã Holland thích làm việc gì?

A. Thực hiện các hoạt động nghệ thuật.

B. Thích làm việc cung cấp hoặc làm sáng tỏ thông tin.

C. Nghiên cứu và phân tích.

D. Lãnh đạo và quản lý.

Câu 6. Chọn phát biểu nào dưới đây **không** phải là yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

A. Truyền thống nghề nghiệp và điều kiện kinh tế của gia đình.

B. Xu hướng, lời khuyên lựa chọn nghề nghiệp của bạn bè.

C. Thích làm việc với máy móc, thiết bị, công cụ.

D. Nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động.

Câu 7. Sắp xếp các bước dưới đây để được một quy trình lựa chọn nghề nghiệp đúng thứ tự: (1) Tìm hiểu thị trường lao động. (2) Quyết định nghề nghiệp. (3) Đánh giá bản thân.

A. (3), (2), (1).

B. (3), (1), (2).

C. (1), (2), (3).

D. (1), (3), (2).

Câu 8. Theo mật mã Holland, người thích làm việc cung cấp hoặc làm sáng tỏ thông tin, thích giúp đỡ, huấn luyện, chữa trị hoặc chăm sóc sức khỏe cho người khác, có khả năng về ngôn ngữ thuộc nhóm tính cách và kiểu người nào?

A. Nhóm tính cách "Nguyên tắc", kiểu người "Nghiệp vụ".

B. Nhóm tính cách "Nghiên cứu", kiểu người "Điều tra".

C. Nhóm tính cách "Điều tra", kiểu người "Nghiên cứu".

D. Nhóm tính cách "Xã hội", kiểu người "Xã hội".

PHẦN II: TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP

CHỦ ĐỀ 1: THIẾT BỊ ĐÓNG CẮT VÀ LẤY ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH

Câu 1: Thiết bị nào dưới đây có khả năng tự động cắt để bảo vệ mạng điện khi xảy ra sự cố như quá tải hoặc ngắn mạch?

A. Công tắc.

B. Cầu dao.

C. Aptomat.

D. Phích cắm.

Câu 2: Ổ cắm điện gồm các bộ phận chính nào?

A. Vỏ và các cực tiếp điện.

B. Vỏ và các chốt (chấu) tiếp điện.

C. Vỏ và các cực nối điện.

D. Vỏ và cần đóng cắt.

Câu 3: Trên vỏ aptomat có ghi thông số kĩ thuật 20 A – 240 V, trong đó 20 A là gì?

A. Điện áp định mức.

B. Dòng điện định mức.

C. Điện trở.

D. Cường độ dòng điện nhỏ nhất.

Câu 4: Đâu **không** phải thiết bị đóng cắt trong gia đình?

A. Công tắc. C. Aptomat.

B. Cầu dao. **D. Ổ cắm điện**

Câu 5: Công tắc là thiết bị dùng để

A. đóng cắt dòng điện cung cấp cho các đồ dùng điện.

B. đóng cắt dòng điện cho các mạng điện.

C. đóng cắt và có khả năng tự động cắt để bảo vệ mạng điện khi có sự cố.

D. lấy điện từ ổ cắm điện cung cấp cho các đồ dùng điện.

Câu 6: Cấu tạo cầu dao gồm 3 bộ phận như hình vẽ, vị trí số (2) là

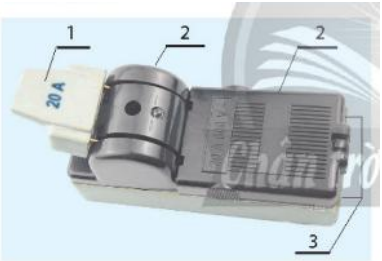

A. Cần đóng cắt.

B. Vỏ.

C. Các cực nối điện.

D. Nút bật tắt.

Câu 7: Các cực nối điện ở công tắc thường được làm bằng vật liệu gì?

A. nhựa. B. thủy ngân.

C. đồng. D. sắt.

Câu 8: Chọn đáp án đúng nhất. Để cung cấp điện cho các đồ dùng điện, người ta dùng

A. phích cắm điện và cầu dao. B. ổ cắm điện.

C. phích cắm điện. **D. ổ cắm và phích cắm điện.**

Câu 9: Vỏ của công tắc điện thường làm bằng

A. đồng, kẽm. B. gang, thiếc. **C. nhựa, sứ.** D. thủy tinh.

Câu 10: Thiết bị nào được thiết kế để bảo vệ mạch điện, đồ dùng điện khi có sự cố?

A. Công tắc. **B. Aptomat.** C. Ampe kìm. D. Công tơ điện.

Câu 11: Khi sử dụng cầu dao để đóng điện cần thực hiện theo thứ tự các thao tác như thế nào để đảm bảo an toàn, tránh phát sinh tia lửa điện?

A. Bật công tắc hoặc lấy điện từ ổ cắm; đóng cầu dao.

B. Đóng cầu dao, bật công tắc hoặc lấy điện từ ổ cắm.

C. Rút phích cắm khỏi ổ cắm, tắt công tắc, ngắt cầu dao.

D. Tắt công tắc, ngắt cầu dao, rút phích cắm.

CHỦ ĐỀ 2: DỤNG CỤ ĐO ĐIỆN CƠ BẢN

Câu 1: Công tơ điện một pha **không** bao gồm bộ phận nào?

A. Vỏ. **B. Thang đo.**

C. Màn hình hiển thị. D. Các cực nối điện.

Câu 2: Bộ phận số (3) trên đồng hồ vạn năng có tên là gì?

A. Màn hình hiển thị.

B. Que đo.

C. Giắc cắm que đo.

D. Núm xoay chọn thang đo.

Câu 3: Công dụng của công tơ điện một pha là gì?

A. Đo điện năng tiêu thụ của các đồ dùng điện trong gia đình.

B. Đo các thông số điện.

C. Đo cường độ dòng điện xoay chiều.

D. Đo điện áp một chiều hoặc xoay chiều.

Câu 4: Đâu **không** phải bộ phận trong ampe kìm?

A. Hàm kẹp. B. Que đo.

C. Cực nối điện. D. Lẫy mở hàm kẹp.

Câu 5: VOM **không thể** đo được đại lượng điện nào dưới đây?

A. Điện áp xoay chiều. B. Điện trở.

C. Điện năng. D. Cường độ dòng điện một chiều.

Câu 6: Thang đo trong đồng hồ vạn năng có nhiệm vụ gì?

A. Là giá trị tối thiểu mà phép đo có thể thực hiện được.

B. Là giá trị giới hạn tối đa mà phép đo có thể thực hiện được.

C. Là giá trị trung bình mà phép đo thực hiện được.

D. Hiển thị chỉ số đo được của phép đo.

Câu 7: Đồng hồ đo điện vạn năng (VOM) dùng để đo

A. công suất điện, điện trở, cường độ dòng điện.

B. cường độ dòng diện, điện áp, cường độ sáng.

C. cường độ dòng điện, công suất điện, điện áp.

D. điện áp, điện trở, cường độ dòng điện.

Câu 8: Để đo điện áp một chiều bằng VOM cần sử dụng thang đo nào?

A. V~. **B. V⎓.** C. A⎓. D. Ω.

Câu 9: Bộ phận nào sau đây **không** có ở ampe kìm?

A. Màn hình hiển thị. B. Que đo.

C. Các cực nối điện. D. Hàm kẹp.

Câu 10: Khi sử dụng VOM cần lựa chọn thang đo có giá trị như thế nào?

A. Gần nhất với giá trị cần đo.

B. Nhỏ hơn và gần nhất với giá trị cần đo.

C. Lớn hơn và gần nhất với giá trị cần đo.

D. Bằng giá trị cần đo.

B. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Mô tả cấu tạo của aptomat trong hình 1 và cho biết bộ phận nào của aptomat thực hiện chức năng đóng, cắt nguồn điện bằng tay? Cho biết khi có sự cố ngắn mạch hoặc quá tải xảy ra thì aptomat thực hiện chức năng gì?

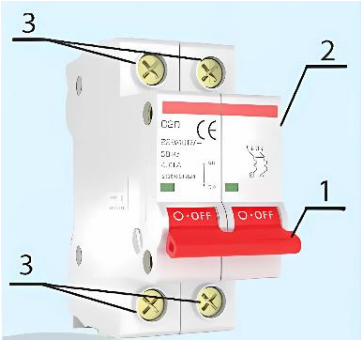

Hình 1 (Aptomat)

Câu 2. Nêu chức năng của phích cắm điện và ổ cắm điện? Tại sao người ta không nối trực tiếp các đồ dùng điện như: bàn ủi điện, quạt bàn, ... vào đường dây điện mà phải dùng các thiết bị lấy điện?

Câu 3.

a) Quan sát hình 2 và nêu các bộ phận chính của công tơ điện.

b) Cho biết cách đấu dây của công tơ điện này trong mạng điện trong nhà?

c) Quy trình sử dụng công tơ điện trong mạng điện trong nhà.

Hình 2 (Công tơ điện)

Câu 4. Đồng hồ vạn năng (VOM) được sử dụng để làm gì? Khi đo điện áp và cường độ dòng điện một chiều bằng VOM cần lưu ý điều gì?

Câu 5.

a) Quan sát hình 3 và nêu các bộ phận chính của ampe kìm theo thứ tự chú thích trên hình.

b) Trình bày các bước sử dụng ampe kìm để đo cường độ dòng điện xoay chiều.

Hình 3. Ampe kìm

Câu 6: Trình bày các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

1. Yếu tố chủ quan

- Năng lực: có trình độ chuyên môn phù hợp và khả năng tiếp cận công nghệ mới; có năng lực sáng tạo, làm việc theo nhóm và tự học; có sức khỏe tốt, thị giác và thính giác tốt, có hệ vận động khỏe mạnh, ...
- Sở thích: thích làm việc với các máy móc, thiết bị, công cụ, thích chăm sóc cây trồng, vật nuôi.
- Cá tính: mạnh mẽ, tự tin; lí trí, sâu sắc; cầu toàn.

2. Yếu tố khách quan

- Gia đình: truyền thống gia đình và điều kiện kinh tế của gia đình.
- Bạn bè: một số chịu sự ảnh hưởng bởi xu hướng, lời khuyên lựa chọn nghề nghiệp của bạn bè.
- Nhà trường: xuất phát từ hoạt động tư vấn hướng nghiệp của thầy cô trong trường.
- Xã hội: Nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động; kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đối với các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất địa phương, trong nước và ngoài nước.

Câu 7: Trình bày nội dung các bước của quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

- Đánh giá bản thân: Tìm hiểu năng lực, sở thích cá nhân, điều kiện và truyền thống gia đình phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp.
- Tìm hiểu thị trường lao động: Tìm hiểu thông tin thị trường lao động về nghề nghiệp được đánh giá phù hợp với bản thân.
- Quyết định nghề nghiệp: Quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp bản thân; thuộc nhóm ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng; lương cao.